

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số:13/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và ông Nguyễn Đức Đông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXXST-DS ngày 11/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện tại: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương

Chị T có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh **Vũ Nhật P**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương

Anh P có mặt tại phiên tòa.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn Điều, trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương.

Ông Điều có mặt tại phiên tòa.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1948. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương

Bà N có mặt tại phiên tòa.

4.2 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Bà Nụ, bà Hưng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2017, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Nhật P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào năm 2006.

Vợ chồng chị trong quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2008 trước hết là vì trong cuộc sống anh Vũ Nhật P không chịu lao động, mặc dù chị biết rằng anh P bị bệnh phổi, sức khỏe yếu, song điều đó không có nghĩa là không làm được gì. Đáng lẽ anh P phải cố gắng làm việc trong khả năng, để góp phần cùng chị xây dựng kinh tế gia đình, nhưng thực tế, anh P không như vậy, lợi dụng việc mình có bệnh, yếu để lấy lý do trốn việc. Hễ có việc, thì anh P viện lý do ốm để nằm ở nhà, nhưng khi gia đình xong việc, anh P lại có thể đi chơi bởi như không hề có vấn đề gì về sức khỏe. chị đã tham gia góp ý nhiều lần, song anh P không thay đổi, vẫn cứ ỷ lại. Do vậy, cuộc sống thực tế của vợ chồng chị rất nhiều khó khăn, gia đình rơi vào diện hộ nghèo của địa phương. Ngoài vấn đề lười lao động ra, anh P còn không quan tâm đến vợ con. Khi chị ốm đau, anh P không hỏi han, chăm sóc; sinh hoạt, ăn uống, học hành của con cái, anh P không quan tâm. Cuộc sống gia đình gần như giao phó cho một mình chị lo liệu, nên chị rất mệt mỏi về thể xác, lại cộng thêm những bức dọc về mặt tinh thần vì anh P không thay đổi, khiến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc.

Cho đến cuối năm 2016, khi kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, chị muốn đi lao động ở nước ngoài để mong thoát khỏi hoàn cảnh nghèo khó, lại không thể đi được do trước đó, anh P đã tự ý lấy chứng minh thư của chị đưa cho người khác mượn, rồi họ sử dụng để làm giấy tờ cho một người khác đứng tên chị để đi nước ngoài, khiến cho chị không được phép xuất cảnh. Bao hy vọng đi lao động ở nước ngoài để cải thiện kinh tế khó khăn của gia đình bỗng chốc bị tan biến khiến chị vô cùng thất vọng. Cho đến lúc này, bao nhiêu bức bối của cuộc sống vợ chồng trước đây, cộng thêm sự kiện này nữa khiến chị không còn chịu đựng thêm được, chị đã cương quyết bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2017 cho đến nay, không quay lại chung sống với anh P nữa.

Chị khẳng định nguyên nhân sâu xa của mâu thuẫn vợ chồng chính là do anh P lười biếng, dựa dẫm ỷ lại vào bệnh tật, vào sự hỗ trợ của xã hội mà không chịu phấn đấu trong khả năng, dẫn đến việc kinh tế gia đình khó khăn; cùng với việc sống chỉ biết bản thân, không có trách nhiệm, quan tâm đến vợ con, khiến bao nhiêu gánh nặng cuộc sống đổ lên vai chị, làm niềm tin của chị vào việc xây dựng một gia đình hạnh phúc cùng với anh P đã càng ngày càng vơi dần và đến nay thì hoàn toàn không còn nữa, tình cảm vợ chồng vì thế cùng hết.

Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh P được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P .

Về con chung: chị và anh Vũ Nhật P có hai con chung là Vũ Thị Hồng Anh và Vũ Thị Hà A sinh cùng ngày 23 tháng 10 năm 2006. Từ khi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, chị cũng đem hai con theo cùng và hiện hai cháu đang sống cùng với chị ở nhà ngoại. Hiện tại, chị làm công nhân ở gần nhà, công việc ổn định, thu nhập bình quân khoảng 6 triệu đồng/tháng, được bố mẹ đẻ sẵn sàng hỗ trợ về chỗ ở và việc chăm sóc con cái, nên chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Vũ Nhật P phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Vũ Nhật P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào năm 2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ từ khi anh cho người khác mượn, sử dụng trái phép giấy chứng minh nhân dân của chị T, dẫn đến sau đó chị T muốn đi lao động ở nước ngoài nhưng không đi được. Từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương từ đầu năm 2017 đến nay. Anh có điện thoại cho chị T, để xin lỗi và đã nhờ bố mẹ chị T tác động đến chị T để chị T quay về, nhưng chị T trả lời không còn tình cảm, nên đã không quay lại với anh. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh không nhất trí ly hôn.

Tuy nhiên tại phiên tòa, anh trình bày, bản thân chị T cũng thiếu trách nhiệm và quan tâm đến anh những lúc anh ốm đau. Anh xác định chị T cương quyết không muốn quay lại đoàn tụ với anh, chứng tỏ chị không còn tình cảm vợ chồng với anh nữa, khả năng đoàn tụ cũng không còn, nên anh nhất trí ly hôn chị T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: anh và chị T có hai con chung là Vũ Thị Hồng A và Vũ Thị Hà A . Cả hai cháu vẫn đang sống cùng với chị T. Tuy anh không nhất trí ly hôn, song nếu Tòa án giải quyết ly hôn, thì anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng một con chung, còn để chị T nuôi dưỡng một con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh P xác định điều kiện nuôi dưỡng con của mình về kinh tế là gặp nhiều khó khăn, do anh ốm đau, bệnh tật không lao động thường xuyên được, song vì anh mong muốn tuổi già sẽ có con cái làm nơi nương tựa và cuộc sống đỡ cô quạnh nên yêu cầu được nuôi dưỡng một con chung.

Về tài sản chung: anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chứng cứ trong vụ án:

- Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị T, anh P .

- Tài liệu chứng cứ chị T, anh P nộp: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh của con chung; xác nhận của xã T về hộ gia đình anh P là hộ nghèo; .

- Lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị H, mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T:

Vào tháng 2/2017, chị T cùng hai con về nhà bà ở P, C, C sống thì bà mới biết rằng, giữa chị T và anh P có mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân xuất phát từ việc chị T cho rằng anh P lười lao động, không chịu làm ăn, lại cờ bạc nhưng vì ngại không muốn bố mẹ đẻ biết nên chị T vẫn giấu không cho bố mẹ biết. Tuy nhiên, đến tháng 2/2017, mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng, do anh P lấy chứng minh thư của chị T bán đi, chị T không có chứng minh thư làm thủ tục đi lao động nước ngoài, chị T bức tức không thể chịu được, đã cùng con bỏ về nhà ngoại ở. Từ ngày chị T về P, C sống thì anh P có sang nhưng chỉ đón con về chơi, chứ vợ chồng chị T không bàn bạc gì về việc giải quyết mâu thuẫn với nhau. Gia đình đã cũng đã động viên chị T đoàn tụ song chị T cương quyết không nghe, vẫn muốn ly hôn. Từ đó đến nay chị T vẫn sống cùng gia đình bà, không trở lại sống cùng anh P nữa. Quan điểm của bà là chị T yêu cầu ly hôn anh P, gia đình cũng đã cố gắng khuyên, nhưng chị T không nghe, nên đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết vụ việc.

Về con chung của chị T và anh P là Vũ Thị Hồng A và Vũ Thị Hà A hiện đang cùng sống với chị T tại gia đình nhà bà. Các cháu được gia đình bà tạo mọi điều kiện thuận lợi về chỗ ở, được chăm sóc tốt. Gia đình bà đủ điều kiện và sẵn sàng hỗ trợ chi phí trong việc nuôi con nếu con được Tòa án giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về công việc, chị T hiện nay đang làm công nhân ở gần nhà.

- Lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị N mẹ đẻ của anh Vũ Nhật P : Chị T và anh P được gia đình hai bên tổ chức kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng với gia đình nhà bà ở T, B, Hải Dương. Anh P từ bé đã bị bệnh phổi, yếu không làm việc được, làm còn không đủ ăn và đó là lý do khiến anh được công nhận là hộ nghèo. Anh P bị bệnh phổi từ nhỏ, không làm việc được như người khác, nhưng chị T lại cho là anh P lười biếng không chịu làm ăn. Chị T càng sống với anh P càng sợ trách nhiệm phải gánh vác chăm sóc cho anh P và gia đình, nên dần dần có thái độ muốn ly hôn để khỏi phải chịu trách nhiệm. Do đó sau sự việc anh P mượn chứng minh thư của chị T cho người khác sử dụng, khiến chị T không đi nước ngoài lao động được, chị T đã làm to chuyện lên và bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng giêng năm 2017 đến nay. Từ đó chồng không hề quan tâm gì đến nhau nữa. Gia đình hai bên cũng đã tìm cách khuyên giải nhưng không thành vì chị T đã quyết tâm ly hôn anh P. Theo quan điểm của bà thì Tòa án nên giải quyết cho anh chị ly hôn. Về con chung, chị T và anh P có hai con chung là Vũ Thị Hà A và Vũ Thị Hồng A, hiện nay cháu đang sống cùng chị T. Vì điều kiện anh P sức khỏe yếu không thể nuôi được con, gia đình bà lại không có điều kiện hỗ trợ anh P, nên theo bà Tòa án nên xem xét chấp nhận đề nghị nuôi con của chị T.

Lời khai của các con chung của chị T và anh P là cháu Vũ Thị Hồng A và Vũ Thị Hà A đều có nguyện vọng được ở với chị T, nếu anh P và chị T ly hôn. Hiện các cháu đều đang ở cùng chị T ở nhà bà ngoại và được chị T cùng gia đình nhà ngoại chăm sóc mọi mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn phát biểu:

Về quan hệ hôn nhân, tại phiên tòa anh P đã nhất trí ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của đương sự.

Về con chung: Anh P có nhu cầu tình cảm chính đáng muốn nuôi dưỡng một con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, để giao cho chị T, anh P mỗi người được nuôi dưỡng một con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật trong thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

+ Về giải quyết vụ án:

Chị T và anh P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Vì vậy việc chị T đề nghị Tòa án cho ly hôn anh P là có căn cứ. Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T ly hôn anh P

Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Thị Hồng A, giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Thị Hà A đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Nhật P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2006, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T về chung sống tại thôn Tuyển Cử, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh P

xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do về phía anh P sức khỏe yếu, không làm được việc nặng nên công việc gia đình phần lớn phụ thuộc vào lao động của chị T, nhưng anh P lại thiếu quan tâm chăm sóc vợ con, chia sẻ gánh nặng công việc nhà cho chị T trong phạm vi khả năng sức khỏe cho phép. Về phía chị T cũng có phần chưa khéo léo trong ứng xử, động viên anh P cố gắng trong cuộc sống, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống và sự thiếu thông cảm, chia sẻ cùng nhau trong công việc, trong tình cảm hàng ngày. Sự việc kéo dài nhiều năm liền, cộng với điều kiện kinh tế khó khăn của hộ nghèo, khiến chị T mong muốn đi lao động ở nước ngoài để thay đổi, song không đi được do việc anh P hành động bất cần, để người khác sử dụng bất hợp pháp chứng minh thư của chị T. Sự việc này cùng với mâu thuẫn vốn có kéo dài nhiều năm, đã đẩy mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, khiến chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương từ khoảng tháng 2/2017 cho đến nay và không quay lại sống cùng anh P nữa. Từ khi ly thân, anh P cũng không có biện pháp thiết thực hàn gắn quan hệ vợ chồng, chị T cũng kiên quyết không quay về cùng anh P mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu ly hôn, anh P nhất trí trên cơ sở tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh P.

[2.2]. Về quan hệ con chung:

Chị T và anh P có 02 con chung là Vũ Thị Hồng A và Vũ Thị Hà A, sinh cùng ngày 23 tháng 10 năm 2006 (sinh đôi).

Xét về điều kiện chăm sóc con của anh P thấy rằng: anh P có bệnh phổi từ nhỏ, sức khỏe yếu, gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm công ăn, việc làm để đảm bảo cuộc sống, vẫn phải dựa một phần vào sự trợ cấp của xã hội. Bố mẹ đẻ anh P tuy sống gần anh, song tuổi cao không có điều kiện hỗ trợ anh về kinh tế. Bản thân anh P thừa nhận việc anh gặp nhiều khó khăn về kinh tế nếu chăm sóc con nhưng vì mong muốn cuộc sống đỡ cô quạnh, có nơi nương tựa tuổi già nên anh mới yêu cầu được nuôi con. Yêu cầu này của anh P là chính đáng, song vì các con còn nhỏ, trước hết cần phải được nuôi dưỡng để con trưởng thành, việc này có được đảm bảo thì mới có thể đáp ứng được nhu cấp tình cảm của anh P. Nhưng điều kiện của anh như vậy, nếu để anh P nuôi dưỡng con sẽ gặp nhiều khó khăn.

Xét về điều kiện của chị T: Các con hiện đang sống cùng chị T tại nhà bố mẹ đẻ của chị T, được chị T cùng bố mẹ đẻ chị T chăm sóc, các cháu hiện tại có sức khỏe tốt. Bản thân hai cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị T là công nhân làm gần nhà, công việc và thu nhập ổn định với mức bình quân 4.000.000 đồng/tháng. Bố mẹ đẻ của chị T cũng sẵn sàng hỗ trợ chị nuôi dưỡng các con. Mặt khác, hai con chung của anh chị là chị em sinh đôi, tâm lý, thói quen, sở thích có nhiều điểm gần bó, tương đồng nên việc các cháu cùng chung sống sẽ là điều có lợi cho sự phát triển của các cháu về mặt tâm lý, tình cảm.

Hội đồng xét xử thấy rằng, điều kiện của chị T như vậy là thuận lợi hơn anh P về mọi mặt để trực tiếp nuôi dưỡng con, cũng như tình trạng hiện tại của hai con chung cũng đang ổn định, cần tiếp tục được duy trì để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu, mà không nên làm xáo trộn. Do vậy, cần áp dụng Điều 81

của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao con Vũ Thị Hồng A và Vũ Thị Hà A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn, nên phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Nhật P .

- Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Hồng A và Vũ Thị Hà A , sinh cùng ngày 23 tháng 10 năm 2006 kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi (hiện tại hai con đang ở với chị T). Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang là 300.000 đồng (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0002303, ngày 30/6/2017). Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

NGUYỄN VĂN CƯỜNG